

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BẢO LẠC  
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2021/HS-ST  
Ngày 18/8/2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LẠC, TỈNH CAO BẰNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Doanh Thị Mây

*Các Hội thẩm nhân dân*

Bà Nguyễn Lê Hà Thanh

Bà Dương Thị Lầu

**- Thư ký phiên tòa:** Bà La Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa:** Ông Bế Sư Chương - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 23/2021/TLST-HS ngày 16 tháng 7 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2021/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 8 năm 2021 đối với:

Bị cáo **Ma Văn V**; Sinh ngày 15 tháng 4 năm 2001

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm NC, xã CP, huyện B, tỉnh C

Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá: 05/12; Dân tộc: Nùng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Ma Văn R (Đã chết) và bà Nông Thị T, sinh năm 1969; vợ con: Không.

Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, sau đó tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện B, tỉnh C từ ngày 14/5/2021 đến nay (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

**- Bị hại:**

+ Bà Ma Thị D, sinh năm 1999; Nơi cư trú: Xóm PR, xã TH, huyện B, tỉnh C (Có mặt tại phiên tòa).

+ Ông Vương Văn H, sinh năm 1989; Nơi cư trú: Xóm PR, xã TH, huyện B, tỉnh C (Có mặt tại phiên tòa).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Ông Lục Văn VN, sinh năm 1983; Nơi cư trú: Xóm BB, xã TH, huyện BL, tỉnh C (Có mặt tại phiên tòa).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ma Văn V và Ma Thị D là hai chị em ruột, cùng sinh ra tại NC, xã CP, huyện B, tỉnh C. Sau khi D lấy chồng, đã chuyển đến sinh sống tại nhà chồng xóm PR, xã TH, huyện B, tỉnh C.

Ngày 27/4/2021 V đến nhà chị D tại PR, xã TH, huyện B chơi. Khoảng 13 giờ, chị D đi hái dưa ở ruộng cách nhà khoảng 100 mét. Lợi dụng lúc D không có mặt ở nhà, V nhìn thấy chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave RSX màu trắng - đen, biển kiểm soát 11L1-156.15 của D để ở ngoài sân, chìa khóa điện vẫn cắm ở ổ khóa, nên nảy sinh ý định lấy trộm chiếc xe máy trên. V ngồi lên xe, bật chìa khóa điện nổ máy rồi điều khiển xe đi ra khỏi cổng. Khi vừa đi ra cổng thì mẹ chồng chị D là bà Nông Thị H nhìn thấy, bà H hỏi đi đâu thì V trả lời là lên NT chơi. Sau đó, V một mình điều khiển xe đi thẳng về xã CP, huyện B. Buổi chiều cùng ngày, V một mình điều khiển chiếc xe máy Honda Wave RSX màu trắng - đen, biển kiểm soát 11L1-156.15 của D từ xã CP, huyện B đến huyện BL chơi. Đến ngày 03/5/2021, do hết tiền nên V nảy sinh ý định mang chiếc xe máy lấy trộm của chị D đi cầm cố lấy tiền tiêu sài. Khi V đang tìm địa điểm cầm cố xe máy tại thị trấn PM, huyện BL thì gặp Nông Văn TH, sinh năm 1994, trú tại xóm PP, xã BT, huyện B, tỉnh C. Qua nói chuyện, TH giới thiệu và đưa V đến gặp ông Lục Văn VN, sinh năm 1983, trú tại xóm BB, xã TH, huyện BL để cầm cố xe máy. Khi đến nhà ông VN, V thỏa thuận để lại chiếc xe máy Honda Wave RSX màu trắng - đen, biển kiểm soát 11L1-156.15 và vay ông VN số tiền 3.000.000 đồng, hai bên có viết giấy vay tiền và ký xác nhận với nhau. Đến ngày 07/5/2021 V một mình đến nhà ông VN thỏa thuận vay thêm số tiền 2.000.000 đồng và viết thêm nội dung vay vào giấy vay tiền. Tất cả số tiền có được từ việc cầm cố xe máy, V đã sử dụng, tiêu sài cá nhân hết.

Ngoài ra quá trình điều tra xác định được vào ngày 01/10/2019 Ma Văn V đi chợ thị trấn B về vào nhà chị D tại PR, xã TH chơi. Khi đến nhà không thấy ai, V mở cửa vào phòng khách rồi đi vào phòng ngủ của chị D. Qua quan sát, V phát hiện dưới gối trong phòng ngủ có một số tờ tiền mệnh giá 100 Nhân dân tệ, nên V nảy sinh ý định trộm số tiền trên. Sau khi lấy được tiền, V đi theo hướng NT - thị trấn B, đi được một đoạn V lấy tiền ra kiểm đếm số tiền lấy được là 900 Nhân dân tệ, bao gồm 09 (chín) tờ tiền mệnh giá 100 Nhân dân tệ. Sau đó, V đem số tiền Nhân dân tệ trộm được xuống thị trấn B đổi sang tiền Việt Nam được 2.600.000 đồng. Số tiền này, V mua ma túy sử dụng và chi tiêu cá nhân hết.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã yêu cầu định giá tài sản đối với chiếc xe máy mà Ma Văn V đã lấy trộm của chị Ma Thị D. Tại bản kết luận định giá tài sản số: 06/KL-HĐĐGTS ngày 13/5/2021 của Hội đồng định giá tài sản huyện B kết luận chiếc xe máy Honda Wave RSX biển kiểm soát 11L1-156.15 có trị giá là 23.000.000đ (Hai mươi ba triệu đồng).

Đối với số tiền 900 Nhân dân tệ thời điểm V lấy trộm, tỷ giá ngoại tệ đồng Nhân dân tệ, ký hiệu CNY, mã ngoại tệ 26, tỷ giá 3,294. Tỷ giá quy đổi, số tiền 900 Nhân dân tệ sang tiền Việt Nam ngày 31/10/2019 của Agribank Việt Nam là 2.964.600đ (Hai triệu chín trăm sáu mươi tư nghìn sáu trăm đồng).

Kết luận: Tổng trị giá tài sản Ma Văn V trộm cắp là 25.964.600đ (Hai mươi năm triệu chín trăm sáu mươi tư nghìn sáu trăm đồng).

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị hại Ma Thị D và Vương Văn H xác định đã được trả lại chiếc xe máy, nên không có yêu cầu bồi thường. Đối với số tiền 900 Nhân dân tệ mà V đã lấy trộm, chị D yêu cầu V phải có trách nhiệm bồi thường do đó là tiền chị đi lao động làm thuê gửi về cho chồng. Anh H không yêu cầu bồi thường do xác định V không có tiền để bồi thường.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lục Văn VN trình bày: Ngày 03/5/2021 có Nông Văn TH, người cùng xóm BB đưa V đến nhà ông hỏi vay tiền với điều kiện sẽ để lại chiếc xe máy làm tin. Theo thỏa thuận ông cho V vay số tiền 3.000.000 đồng trong thời hạn 20 ngày, ngoài ra V còn viết giấy, đứng chụp ảnh cùng chiếc xe để làm tin. Đến ngày 07/5/2021 V tiếp tục đến hỏi vay thêm tiền, qua thỏa thuận ông đồng ý cho V vay thêm 2.000.000 đồng hẹn trả cùng số tiền 3.000.000 đồng vay trước đó. Ông cho V viết thêm vào giấy vay tiền với nội dung vay thêm. Khi TH đưa V đến V nói là xe máy trên là của V, ông không biết xe máy do V trộm cắp, sau đó chiếc xe máy đã bị thu hồi để trả lại cho chị D. Nay ông yêu cầu V phải có trách nhiệm trả lại số tiền 5.000.000 đồng mà V đã vay của ông.

Tại bản Cáo trạng số: 24/CT-VKSBL ngày 25/7/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng đã truy tố bị cáo Ma Văn V về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Ma Văn V theo như bản Cáo trạng đã nêu. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Tuyên xử bị cáo Ma Văn V phạm tội Trộm cắp tài sản, đề nghị khung hình phạt đối với bị cáo từ 18 (Mười tám) đến 24 (Hai mươi tư) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét buộc bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền đã trộm cắp và số tiền bị cáo cầm cố xe máy với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Bị cáo Ma Văn V thừa nhận hành vi của mình là sai, là vi phạm pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, và những người tham gia tố tụng khác

không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị cáo Ma Văn V thừa nhận bản Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố là đúng. Hội đồng xét xử xét thấy lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ. Tổng trị giá tài sản Ma Văn V trộm cắp là 25.964.600đ (Hai mươi năm triệu chín trăm sáu mươi tư nghìn sáu trăm đồng).

Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự đối với mọi hành vi do mình gây ra. Bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp, hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự an ninh xã hội.

Theo quy định tại Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung 2017:

"Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm..."

Như vậy, hành vi của bị cáo Ma Văn V đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017.

Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo Ma Văn V về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về nhân thân: Tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Bị cáo Ma Văn V sinh ra và lớn lên tại xã CP, huyện B, tỉnh C được gia đình nuôi ăn học đến hết lớp 05/12. Bị cáo còn trẻ là người có sức khỏe, nhưng lười lao động, ăn chơi, đua đòi sử dụng và lệ thuộc vào chất ma túy. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là sai. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo hợp tác với Cơ quan điều tra, "thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải". Do đó, cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015. Tuy nhiên bị cáo có một tình tiết tăng nặng "phạm tội nhiều lần" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo có nhân thân xấu, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải xử lý bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc để cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để giáo dục, cải tạo bị cáo thành người có ích cho gia đình và xã hội.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại Ma Thị D và Vương Văn H đã được nhận lại tài sản xe máy và không yêu cầu bồi thường. Bà D yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền bị mất

trộm; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lục Văn VN yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền đã cầm cố xe máy. Yêu cầu của bà D, ông VN là chính đáng và cần được chấp nhận buộc V phải có trách nhiệm bồi thường.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017. Tuyên bố bị cáo Ma Văn V phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017.

Xử phạt bị cáo Ma Văn V 18 (Mười tám) tháng tù, thời gian thụ hình tính từ ngày bị cáo bị bắt 14/5/2021.

2. Trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 Bộ luật Dân sự 2015.

Buộc bị cáo Ma Văn V phải có trách nhiệm bồi thường cho bà Ma Thị D, nơi cư trú xóm PR, xã TH, huyện B, tỉnh C một khoản tiền là 2.964.600đ (Hai triệu chín trăm sáu mươi tư nghìn sáu trăm đồng).

Buộc bị cáo Ma Văn V phải có trách nhiệm bồi thường cho ông Lục Văn VN, nơi cư trú xóm BB, xã TH, huyện BL, tỉnh C một khoản tiền là 5.000.000đ (Năm triệu đồng),

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với từng khoản tiền nêu trên cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh do chậm trả của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Bị cáo Ma Văn V phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch (7.964.600 đồng x 5%) = 398.200 đồng nộp công quỹ nhà nước.

Án xử sơ thẩm có mặt bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện; VKSND tỉnh;
- Công an huyện; Trại giam;
- Chi cục THADS huyện;
- Sở Tư pháp;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- UBND xã Cốc Pàng, huyện Bảo Lạc
- Lưu.

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**DOANH THỊ MÂY**